

ĐỀ CƯƠNG

MÔN NGUYÊN LÝ CƠ BẢN II

MỤC LỤC

Câu 1: Hàng hóa là gì? Trình bày thuộc tính giá trị sử dụng của hàng hóa?	3
Câu 2: Trình bày thuộc tính giá trị của hàng hóa?.....	3
Câu 3: Trình bày khái niệm tư bản bất biến, tư bản khả biến?.....	3
Câu 4: Trình bày khái niệm lợi nhuận?.....	4
Câu 5: Trình bày khái niệm tỷ suất giá trị thặng dư và khối lượng giá trị thặng dư?	4
Câu 6: Trình bày khái niệm sức lao động và điều kiện để sức lao động trở thành hàng hóa?.....	5
Câu 7: Nêu biểu hiện của quy luật giá trị và quy luật giá trị thặng dư trong chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh và tư bản độc quyền.	5
Câu 8: Trình bày hai đặc trưng cơ bản của giai cấp công nhân và nêu nội dung sứ mệnh sử của giai cấp công nhân?	6
Câu 9: Trình bày nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa?	6
Câu 10: Trình bày những đặc trưng cơ bản của nhà nước xã hội chủ nghĩa?	7
Câu 11: Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hóa?.....	7
Câu 12: Phân tích ưu thế của sản xuất hàng hóa?	8
Câu 13: Phân tích quá trình sản xuất giá trị thặng dư?.....	8
Câu 14: Phân tích phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối?.....	9
Câu 15: Phân tích sự hình thành tỷ suất lợi nhuận bình quân?.....	9
Câu 16: Phân tích tư bản cho vay và lợi tức cho vay?	9
Câu 17: Phân tích sự hình thành chủ nghĩa tư bản độc quyền?.....	10
Câu 18: Phân tích những đặc điểm chính trị-xã hội của giai cấp công nhân?	11
Câu 19: Phân tích những đặc trưng cơ bản của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa?	12
Câu 20: Phân tích những nội dung cơ bản của quá trình xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa?.....	12
Câu 21: Phân tích tác dụng điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa của quy luật giá trị? Vận dụng vào tình hình thực tiễn ở Việt Nam?.....	13
Câu 22: Phân tích tác dụng thúc đẩy LLSX của quy luật giá trị trong nền sản xuất hàng hóa? Vận dụng vào tình hình thực tiễn ở nước ta hiện nay?	13
Câu 23: Phân tích thuộc tính giá trị của hàng hóa sức lao động? Liên hệ với thực tiễn Việt Nam?.....	14

Câu 24: Phân tích thực chất của tích lũy tư bản? Liên hệ với thực tiễn ở Việt Nam?..... 15

Câu 25: Phân tích tư bản thương nghiệp? Liên hệ thực tiễn ở VN? 15

Câu 26: Xuất khẩu TB là gì? Trình bày các hình thức xuất khẩu TB? Vận dụng vào thực tiễn VN?..... 16

Câu 27: Phân tích vai trò của Đảng cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân? Liên hệ với vai trò của Đảng Cộng sản VN? 17

Câu 28: Phân tích tính tất yếu của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội? Liên hệ với việc quá độ lên CNXH ở VN?..... 18

Câu 29: Phân tích những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc? Liên hệ với việc giải quyết vấn đề dân tộc của Đảng và Nhà nước ta hiện nay?..... 19

Câu 30: Phân tích những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo? Liên hệ với việc giải quyết vấn đề tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay? 20

Câu 1: Hàng hóa là gì? Trình bày thuộc tính giá trị sử dụng của hàng hóa?

Trả lời:

- Hàng hóa là sản phẩm của lao động, nó có thể thỏa mãn những nhu cầu nhất định nào đó của con người thông qua trao đổi mua bán.
- Giá trị sử dụng:
 - Giá trị sử dụng của hàng hóa là công dụng của hàng hóa để thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người.
 - Giá trị sử dụng là do thuộc tính tự nhiên của hàng hóa quy định, nó không phụ thuộc vào chế độ xã hội cho nên giá trị sử dụng là phạm trù vĩnh viễn và giá trị sử dụng cấu thành nội dung vật chất của của cải. Giá trị sử dụng xác định mặt chất của hàng hóa và nó là căn cứ để phân biệt hàng hóa này với hàng hóa khác.
 - Mỗi hàng hóa có nhiều thuộc tính tức nhiều công dụng, chúng được phát hiện dần dần trong quá trình phát triển của khoa học và công nghệ và của lực lượng sản xuất nói chung.
 - Giá trị sử dụng của hàng hóa chỉ được thể hiện đầy đủ thông qua quá trình sử dụng, tiêu dùng hàng hóa. Vì thế nếu hàng hóa chưa được sử dụng thì nó mới chỉ có giá trị sử dụng khả năng, nó chỉ có giá trị sử dụng, cụ thể khi ở trong quá trình tiêu dùng của con người.
 - Giá trị sử dụng của hàng hóa không phải là giá trị sử dụng cho người trực tiếp sản xuất ra nó mà cho người khác, cho xã hội thông qua trao đổi, mua bán. Nên giá trị sử dụng của hàng hóa là vật mang giá trị trao đổi.

Câu 2: Trình bày thuộc tính giá trị của hàng hóa?

Trả lời:

- Giá trị của hàng hóa là 1 phạm trù trừu tượng, để hiểu được giá trị của hàng hóa thì trước hết phải hiểu được giá trị trao đổi của hàng hóa.
- Giá trị trao đổi là quan hệ tỷ lệ về số lượng trao đổi giữa những hàng hóa có giá trị sử dụng khác nhau.
- Giá trị hàng hóa là hao phí lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa.
- Giá trị hàng hóa là cái ẩn dấu bên trong làm cơ sở cho sự so sánh, trao đổi giữa các hàng hóa với nhau. Sở dĩ hàng hóa có giá trị trao đổi là vì hàng hóa có giá trị. Do vậy, giá trị hàng hóa là nội dung còn giá trị trao đổi là hình thức biểu hiện của giá trị.
- Giá trị hàng hóa là 1 quan hệ xã hội, nó biểu thị mối quan hệ giữa những ng sản xuất hàng hóa. 1 hàng hóa này trao đổi với hàng hóa khác thì có nghĩa là hao phí lao động của người sản xuất hàng hóa này đứng đối diện, quan hệ với hao phí lao động của người sản xuất khác.
- Giá trị hàng hóa là 1 phạm trù lịch sử, có sản xuất hàng hóa mới có giá trị hàng hóa. Trong nền kinh tế tự cấp tự túc thì phạm trù giá trị của hàng hóa chưa xuất hiện.

Câu 3: Trình bày khái niệm tư bản bất biến, tư bản khả biến?

Trả lời:

1. TB bất biến:

- ĐN: Bộ phận tb biến thành TLSX mà giá trị được bảo toàn và chuyên hóa vào sản phẩm, tức là không thay đổi về lượng giá trị của nó. Ký hiệu là C.
 - Cấu trúc: về mặt hiện vật, TB bất biến gồm: máy móc, thiết bị, nhà xưởng(C1); nguyên, nhiên vật liệu (C2).
 - Đặc điểm: giá trị của chúng được lao động cụ thể của ng công nhân bảo tồn và chuyển dịch nguyên vẹn vào giá trị sản phẩm. Trong đó C1 chuyển giá trị nhiều lần, C2 chuyển giá trị 1 lần. Giá trị sử dụng của TLSX được bảo tồn dưới hình thức giá trị sử dụng mới.
2. TB khả biến:
- ĐN: là bộ phận TB biến thành sức lao động không tái hiện ra, nhưng thông qua lao động trừu tượng của công nhân làm thuê tăng lên, tức là không biến đổi về lượng. Ký hiệu V.
 - Cấu trúc: TB khả biến dùng để thuê ng lao động làm việc trong khoảng thời gian nhất định. TB khả biến tồn tại dưới hình thức tiền lương.
 - Đặc điểm: Sử dụng TB khả biến sẽ tạo ra 1 giá trị mới lớn hơn giá trị của chính TB khả biến bỏ ra ban đầu. Lượng giá trị đó được chia thành 2 bộ phận: 1 bộ phận chuyển thành tư liệu sinh hoạt của ng công nhân, bù lại giá trị sức lao động của ng công nhân và mất đi trong quá trình tiêu dùng của họ; bộ phận còn lại chính là giá trị thặng dư thuộc về nhà TB.
 - Nhà TB không sở hữu được sức lao động đã mua bằng TB khả biến, mà chỉ sử dụng sức lao động đó trong thời gian nhất định trong ngày.

Câu 4: Trình bày khái niệm lợi nhuận?

Trả lời:

- Nếu hàng hóa được bán đúng giá thị trường thì chủ TB sẽ thu được phần thặng dư đúng bằng giá trị thặng dư. Họ không quan tâm phần thặng dư đó do cái gì tạo ra mà chỉ biết kết thúc quá trình đầu tư TB, họ thu về 1 phần thặng dư, họ gọi đó là lợi nhuận.
- Lợi nhuận là giá trị thặng dư khi được coi là kết quả của toàn bộ TB ứng trước, là phần chênh lệch giữa giá trị hàng hóa và chi phí sản xuất. Ký hiệu P.
- Công thức: $P = w - k$

Câu 5: Trình bày khái niệm tỷ suất giá trị thặng dư và khối lượng giá trị thặng dư?

Trả lời:

- Tỷ suất giá trị thặng dư là tỷ lệ phần trăm giữa số lượng giá trị thặng dư với tư bản khả biến cần thiết để sản xuất ra giá trị thặng dư đó
- Công thức: $m' = M/v \times 100 \%$
- Tỷ suất giá trị thặng dư chỉ rõ trình độ bóc lột của nhà TB đối với công nhân. Nó phản ánh trong tổng số giá trị mới do công nhân tạo ra thì công nhân được hưởng bao nhiêu và nhà TB chiếm đoạt bao nhiêu. Tỷ suất giá trị thặng dư còn chỉ rõ ngày lao động của công nhân được chia thành thời gian lao động tất yếu và thời gian lao động thặng dư theo tỉ lệ nào. Vì thế tỷ suất giá trị thặng dư còn được tính:
 $m' = \text{thời gian lao động thặng dư}(t') / \text{thời gian lao động cần thiết}(t) \times 100 \%$

- Khối lượng giá trị thặng dư (M) là số lượng giá trị thặng dư mà nhà tư bản bóc lột được trong một thời gian sản xuất nhất định.
- Công thức: nó được tính bằng tích số giữa tỷ suất giá trị thặng dư và tổng TB khả biến: $M = m' \times V$.
- Khối lượng giá trị thặng dư phụ thuộc vào trình độ bóc lột của nhà TB và số lượng công nhân bị nhà TB bóc lột.
- Khối lượng giá trị thặng dư chỉ rõ quy mô bóc lột của nhà TB.

Câu 6: Trình bày khái niệm sức lao động và điều kiện để sức lao động trở thành hàng hóa?

Trả lời:

- Sức lao động: là toàn bộ những năng lực (thể lực, trí lực) khả năng sản xuất tồn tại trong 1 con người. sức lao động là cái có trước, là tiềm năng sẵn có trong con người, còn lao động chính là quá trình vận dụng sức lao động trong quá trình sản xuất.
- Điều kiện để sức lao động trở thành hàng hóa
- Người lao động phải được tự do về thân thể của mình, có thể chi phối sức lao động hay năng lực lao động của mình.
- Người lao động không có TLSX cần thiết để tự mình thực hiện lao động và cũng không còn của cái gì khác, muốn sống chỉ còn cách bán sức lao động.
- ⇒ Như vậy, để sức lao động trở thành hàng hóa thì ng có tiền phải tìm được người lao động tự do trên thị trường, tự do theo 2 nghĩa: theo nghĩa là 1 con người tự do chi phối đức lao động của mình với tư cách la 1 hàng hóa; và mặt khác anh ta không có 1 hàng hóa nào khác để bán, nói 1 cách khác la trần như nhộng, hoàn toàn không có những vật cần thiết để thực hiện sức lao động của mình.
- ⇒ Sự tồn tại đồng thời 2 điều kiện trên biến sức lao động thành hàng hóa. Đến lượt mình, sức lao động lại biến thành TB.

Câu 7: Nêu biểu hiện của quy luật giá trị và quy luật giá trị thặng dư trong chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh và tư bản độc quyền.

Trả lời:

- Quy luật giá trị: Do chiếm được vị trí độc quyền nên các tổ chức độc quyền đã áp đặt giá cả độc quyền, giá cả độc quyền thấp khi mua, giá cả độc quyền cao khi bán. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là trong giai đoạn quốc tế chủ nghĩa quy luật giá trị không còn hoạt động. Các tổ chức độc quyền thi hành chính sách giá cả độc quyền nhằm chiếm đoạt một phần giá trị và giá trị thặng dư của những người khác. Nếu xem xét trong toàn bộ hệ thống kinh tế tư bản thì tổng số giá cả vẫn bằng tổng số giá trị. Như vậy, nếu trong giai đoạn tự do cạnh tranh quy luật giá trị biểu hiện thành quy luật giá cả sản xuất, thì trong giai đoạn quốc tế chủ nghĩa quy luật giá trị biểu hiện thành quy luật giá cả độc quyền.
- Quy luật giá trị thặng dư: Trong giai đoạn tự do cạnh tranh, quy luật giá trị thặng dư biểu hiện thành quy luật tỉ suất lợi nhuận bình quân. Bước sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc, các tổ chức độc quyền thao túng nền kinh tế bằng giá cả độc quyê và thu được lợi nhuận độc quyền cao. Do đó, quy luật lợi nhuận độc quyền cao chỉ là hình thức biểu hiện của quy luật giá trị thặng dư trong giai đoạn chủ nghĩa đế quốc.

Câu 8: Trình bày hai đặc trưng cơ bản của giai cấp công nhân và nêu nội dung sứ mệnh sử của giai cấp công nhân?

Trả lời:

- Đặc trưng cơ bản của giai cấp công nhân:
 - Thứ nhất, về phương thức lao động, phương thức sản xuất (nghề nghiệp), đó là những người lao động trực tiếp hay gián tiếp vận hành các công cụ sản xuất có tính chất công nghiệp ngày càng hiện đại và xã hội hoá cao. Đây là tiêu chí cơ bản để phân biệt người công nhân hiện đại với người thợ thủ công thời Trung cổ thay người thợ trong công trường thủ công. C.Mác viết: “Trong công trường thủ công và trong nghề thủ công, người Công nhân sử dụng công cụ của mình, còn trong công xưởng thì người công nhân phải phục tùng máy móc” “Công nhân cũng là phát minh của thời đại mới. Giống như máy móc vậy ... công nhân Anh là đứa con đầu lòng của nền công nghiệp hiện đại”.
 - Thứ hai, về vị trí trong quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, giai cấp công nhân là những người lao động không có hoặc về cơ bản không có tư liệu sản xuất, làm thuê cho giai cấp tư sản và bị bóc lột giá trị thặng dư. Đây là đặc trưng cơ bản nhất của giai cấp công nhân dưới chế độ tư bản chủ nghĩa. Chính vì vậy, C.Mác và Ph.Ăngghen đều gọi giai cấp công nhân dưới chủ nghĩa tư bản là giai cấp vô sản. Giai cấp công nhân hiện nay không chỉ bao gồm những người lao động trong công nghiệp, trực tiếp tạo ra các giá trị vật chất cho Xã hội mà còn bao gồm những người lao động trong các bộ phận dịch vụ công nghiệp, gián tiếp tham gia vào quá trình sản xuất vật chất.
- Sứ mệnh của giai cấp công nhân: Xoá bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa và tiền tư bản chủ nghĩa; từng bước xây dựng xã hội mới - xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa; xoá bỏ áp bức bóc lột; giải phóng mình đồng thời giải phóng toàn nhân loại.

Câu 9: Trình bày nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa?

Trả lời:

- Cách mạng XHCN là cuộc cách mạng nhằm thay đổi chế độ TBCN lỗi thời bằng chế độ XHCN. Trong cuộc cách mạng đó, giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo và cùng với quần chúng nhân dân lao động xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.
- Cách mạng XHCN được thực hiện trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội:
 - Trên lĩnh vực chính trị: Nội dung trước tiên của cách mạng XHCN là đập tan nhà nước của giai cấp bóc lột, giành chính quyền về giai cấp công nhân, nhân dân lao động, đưa những người lao động từ địa vị nô lệ làm thuê lên địa vị làm chủ xã hội quản lý nhà nước.
 - Trên lĩnh vực kinh tế:
 - + Việc giành chính quyền về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động mới chỉ là bước đầu. Nhiệm vụ trọng tâm có ý nghĩa quyết định cho sự thắng lợi của cách mạng XHCN phải là phát triển kinh tế, không ngừng nâng cao năng suất lao động, cải thiện đời sống nhân dân.
 - + Cách mạng XHCN trong lĩnh vực kinh tế trước hết là phải thay đổi vị trí, vai trò của người lao động với TLSX chủ yếu; thay thế chế độ chiếm hữu tư nhân TBCN về TLSX bằng chế độ sở hữu XHCN với những hình thức thích hợp, thực hiện những biện pháp cần thiết gắn người lao động với TLSX.
 - + Cùng cải tạo quan hệ xã hội cũ, xây dựng quan hệ sản xuất mới XHCN, nhà nước XHCN phải tìm cách phát triển lực lượng sản xuất, không ngừng nâng cao năng suất lao động.
 - + CNXH thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động.

• Trên lĩnh vực văn hóa: Trong điều kiện xã hội mới XHCN, giai cấp công nhân cùng với nhân dân lao động là chủ thể sáng tạo ra các giá trị văn hóa, tinh thần xã hội. Trên cơ sở kế thừa 1 cách có chọn lọc và nâng cao các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, tiếp thu các giá trị văn hóa tiên tiến của thời đại, cách mạng XHCN trên lĩnh vực tư tưởng-văn hóa thực hiện việc giải phóng những ng lao động về mặt tinh thần.

→ Như vậy, cách mạng XHCN diễn ra trên tất cả các lĩnh vực, có thể gắn liền với nhau, tác động qua lại lẫn nhau, thúc đẩy lẫn nhau cùng phát triển.

Câu 10: Trình bày những đặc trưng cơ bản của nhà nước xã hội chủ nghĩa?

Trả lời:

- Nhà nước XHCN là 1 trong những tổ chức chính trị cơ bản nhất của hệ thống chính trị XHCN, 1 công cụ quản lý mà đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo nhân dân tổ chức ra để qua đó nhân dân lao động thực hiện quyền lực và lợi ích của mình; cũng qua đó giai cấp công nhân và đảng của nó lãnh đạo Xã hội về mọi mặt trong quá trình xây dựng và bảo vệ CNXH.

- Những đặc trưng cơ bản của nhà nước XHCN:

+ Nhà nước XHCN thực hiện 1 chính sách giai cấp vì lợi ích của ng lao động, đồng thời đảm bảo vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân.

+ Nhà nước XHCN là công cụ chuyên chính giai cấp lợi ích của đại đa số nhân dân lao động, thực hiện sự trấn áp những lực lượng chống phá sự nghiệp cách mạng XHCN.

+ Bao lực, trấn áp là cần thiết, song việc tổ chức xây dựng toàn diện xã hội mới là đặc trưng cơ bản của nhà nước XHCN.

+ Nhà nước XHCN ngày càng mở rộng dân chủ, lôi cuốn đông đảo quần chúng nhân dân tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

+ Nhà nước XHCN không còn là nhà nước theo nguyên nghĩa mà là nhà nước nửa nhà nước, nó tự tiêu vong khi không còn cơ sở kinh tế xã hội.

Câu 11: Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hóa?

Trả lời: Những yếu tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của một đơn vị hàng hóa:

Tất cả những yếu tố ảnh hưởng tới thời gian lao động xã hội cần thiết đều ảnh hưởng tới lượng giá trị của hàng hóa. Chúng ta xem xét ba yếu tố cơ bản: năng suất lao động, cường độ lao động và mức độ giản đơn hay phức tạp của lao động.

- Năng suất lao động là sức sản xuất của lao động. Nó được đo bằng lượng sản phẩm sản xuất ra trong một đơn vị thời gian hoặc lượng thời gian lao động hao phí để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm. Năng suất lao động tăng lên có nghĩa là cũng trong một thời gian lao động, nhưng khối lượng hàng hóa sản xuất ra tăng lên làm cho thời gian lao động cần thiết để sản xuất ra một đơn vị hàng hóa giảm xuống. Do đó, khi năng suất lao động tăng lên thì giá trị của một đơn vị hàng hóa sẽ giảm xuống và ngược lại. Như vậy, giá trị của hàng hóa tỷ lệ nghịch với năng suất lao động.

- Cường độ lao động là đại lượng chỉ mức độ hao phí sức lao động trong một đơn vị thời gian. Nó cho thấy mức độ khẩn trương, nặng nhọc hay căng thẳng của lao động. Cường độ lao động tăng lên tức là mức hao phí sức cơ bắp, thần kinh trong một đơn vị thời gian tăng lên, mức độ khẩn trương, nặng nhọc hay căng thẳng của lao động tăng lên. Nếu cường độ lao động tăng lên thì số lượng (hoặc khối lượng) hàng hóa sản xuất ra tăng lên và sức hao phí lao động cũng

tăng lên tương ứng, vì vậy giá trị của một đơn vị hàng hóa vẫn không đổi. Tăng cường độ lao động thực chất cũng như kéo dài thời gian lao động cho nên hao phí lao động trong một đơn vị sản phẩm không đổi.

- Mức độ phức tạp của lao động cũng ảnh hưởng nhất định đến lượng giá trị của hàng hóa. Theo mức độ phức tạp của lao động, có thể chia lao động thành lao động giản đơn và lao động phức tạp. Lao động giản đơn là lao động mà một người lao động bình thường không cần phải trải qua đào tạo cũng có thể thực hiện được. Lao động phức tạp là lao động đòi hỏi phải được đào tạo, huấn luyện mới có thể tiến hành được. Trong cùng một thời gian, lao động phức tạp tạo ra nhiều giá trị hơn lao động giản đơn. Lao động phức tạp thực chất là lao động giản đơn được nhân lên.

Câu 12: Phân tích ưu thế của sản xuất hàng hóa?

Trả lời: Ưu thế của sản xuất hàng hóa:

- SX hàng hóa do dựa trên sự phân công lao động, chuyên môn hóa sản xuất nên khai thác hiệu quả những lợi thế về tự nhiên, xã hội, kỹ thuật của từng người, từng cơ sở, từng vùng, từng địa phương cũng như của đất nước... Ngược lại, sự phát triển của sản xuất hàng hóa lại tác động trở lại, thúc đẩy sự phát triển của phân công lao động xã hội, chuyên môn hóa lao động ngày càng tăng, mối liên hệ giữa các ngành, vùng ngày càng trở nên sâu sắc. sản xuất hàng hóa phá vỡ tính độc lập tự túc, trì trệ, lạc hậu, làm tăng nhu cầu trao đổi hàng hóa trong xã hội, làm cho năng suất lao động tăng lên, sản phẩm nhiều hơn, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội.

- Dưới tác động của các quy luật trong nền sản xuất hàng hóa buộc ng sản xuất hàng hóa phải luôn năng động, linh hoạt, có chiến lược kế hoạch dài hạn, cải tiến kỹ thuật, tổ chức sản xuất hợp lý, nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, đáp ứng tốt nhu cầu của ng dân. Đồng thời tạo ra những nhà kinh doanh giỏi, những người lao động lành nghề.

- Trong nền sản xuất hàng hóa, quy mô sản xuất không bị giới hạn bởi nhu cầu và nguồn lực mang tính hạn hẹp của mỗi cá nhân, mỗi tập thể, mỗi vùng mà nó được mở rộng, dựa trên cơ sở nhu cầu và nguồn lực xã hội. Điều đó tạo điều kiện và thúc đẩy việc nghiên cứu và ứng dụng những thành tựu nghiên cứu khoa học vào sản xuất, qua đó thúc đẩy sản xuất phát triển.

- SX hàng hóa là mô hình kinh tế mở, thúc đẩy giao lưu kinh tế, giao lưu văn hóa, tạo đk nân cao, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của xã hội.

Câu 13: Phân tích quá trình sản xuất giá trị thặng dư?

Trả lời: Quá trình sản xuất giá trị thặng dư:

- Mục đích của sản xuất TBCN không phải là giá trị sử dụng, mà là giá trị thặng dư. Nhưng để sản xuất giá trị thặng dư. Nhưng để sản xuất giá trị thặng dư, trước hết nhà TB phải sản xuất ra 1 giá trị sử dụng nào đó. Vì thế, quá trình sản xuất TB chủ nghĩa là sự thống nhất giữa quá trình sản xuất giá trị sử dụng với quá trình sản xuất giá trị thặng dư. Cho nên, để sản xuất giá trị thặng dư nhà TB phải mua các yếu tố của quá trình sản xuất giá trị sử dụng là TLSX và SLĐ.

- Đặc điểm của quá trình sản xuất giá trị thặng dư:

- ông nhân làm việc dưới sự kiểm soát của nhà TB, lao động của anh ta thuộc về nhà TB giống như những yếu tố khác của sản xuất và được nhà TB sử dụng sao cho hiệu quả nhất.

- Sản phẩm là do lao động của ng công nhân làm ra nhưng nó không thuộc về công nhân mà thuộc sở hữu của nhà TB.

⇒ Quá trình sản xuất giá trị thặng dư đã giải quyết được mâu thuẫn trong công thức chung của TB và chứng minh được sự chuyển hóa tiền thành TB.

Câu 14: Phân tích phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối?

Trả lời:

- Sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối là giá trị thặng dư thu được do kéo dài ngày lao động vượt quá thời gian lao động tất yếu, trong khi năng suất lao động xã hội, giá trị sức lao động và thời gian lao động tất yếu không đổi.
- Cách thức:
 - Kéo dài ngày lao động, tăng cường độ lao động hoặc áp dụng cả 2 mức trên cùng lúc.
 - Việc kéo dài ngày lao động không thể vượt quá thời hạn sinh lý của công nhân. Tuy nhiên ngày lao động cũng không thể rút ngắn đến mức chỉ bằng thời gian lao động cần thiết vì như thế sẽ không có giá trị thặng dư và không còn CNTB nữa.
 - Giới hạn ngày lao động: thời gian lao động cần thiết < ngày lao động < 24h
- Áp dụng phổ biến trong giai đoạn đầu của CNTB.

Câu 15: Phân tích sự hình thành tỷ suất lợi nhuận bình quân?

Trả lời: Sự hình thành tỷ suất lợi nhuận bình quân:

- Cạnh tranh giữa các ngành là cạnh tranh giữa các xí nghiệp TB kinh doanh trong các ngành sản xuất khác nhau, nhằm tìm nơi đầu tư có lợi nhuận.
- Nguyên nhân cạnh tranh: trong các ngành sản xuất khác nhau, do đặc điểm từng ngành, đk sản xuất của các ngành khác nhau nên P' của từng ngành là khác nhau, các nhà TB phải tìm ngành có P' cao hơn để đầu tư.
- Biện pháp cạnh tranh: tự do di chuyển TB từ ngành này sang ngành khác.
- Kết quả: hình thành tỷ suất lợi nhuận bình quân và giá trị hàng hóa chuyển thành giá cả sản xuất

→ Tỷ suất lợi nhuận bình quân là con số trung bình của tất cả các tỷ suất lợi nhuận bình quân là tỷ số theo phần trăm giữa tổng giá trị thặng dư và tổng TB xã hội đã đầu tư vào các ngành trong nền sản xuất TBCN. Ký hiệu: P'.

$$\bar{P}' = \frac{\sum m}{\sum (c+v)} \times 100\% \quad \text{Hay} \quad \bar{P}' = (P_1 + P_2 + \dots + P_n) / n$$

Câu 16: Phân tích tư bản cho vay và lợi tức cho vay?

Trả lời:

1. TB cho vay:

- Trước CNTB, TB cho vay tồn tại dưới hình thức cho vay nặng lãi.
- Trong CNTB, TB cho vay là 1 bộ phận của TB công nghiệp tách ra và vận động độc lập.
- TB cho vay xuất hiện là 1 tất yếu, do :
 - Trong quá trình tuần hoàn và chu chuyển của TB công nghiệp, luôn có số TB tiền tệ nhàn rỗi.
 - Trong khi đó, 1 số nhà TB khác lại cần tiền để kinh doanh
- ĐN: TB cho vay là TB tiền tệ tạm thời nhàn rỗi, mà ng chủ của nó cho nhà TB khác sử dụng trong thời gian nhất định để được số tiền lãi nào đó (lợi tức).
- Đặc điểm của TB cho vay:

- Quyền sở hữu tách rời quyền sử dụng TB.
- TB cho vay là loại hàng hóa đặc biệt, vì ng bán không mất quyền sở hữu và ng mua chỉ có quyền sử dụng trong 1 thời gian nhất định. Vì khi sử dụng thì giá trị của nó không mất đi mà còn tăng thêm. Hơn nữa, giá cả của nó lại không do giá trị quyết định, mà do giá trị sử dụng, tức là do khả năng tạo ra lợi nhuận quyết định. Lợi tức chính là giá cả của hàng hóa TB cho vay.
- TB cho vay là TB được sùng bái nhất, để làm tương T đẻ ra T' do vận động theo công thức T-T'.

TB cho vay góp phần vào việc tích tụ, tập trung TB, mở rộng sản xuất, cải tiến kỹ thuật, đẩy nhanh tốc độ chu chuyển của TB,...

2. Lợi tức:

- Lợi tức là 1 phần của ợi nhuận bình quân mà TB cho vay trả cho TB cho vay căn cứ vào lượng TB tiền tệ mà nhà TB cho vay đã bỏ ra cho nhà đi vay sử dụng.

- Ký hiệu: Z

- Nguồn gốc: là GTTD do công nhân làm thuê sáng tạo trong quá trình sản xuất.

- Giới hạn: $0 < Z < \bar{p}$

- Tỷ suất lợi tức:

• ĐN: là tỷ lệ phần trăm giữa tổng số lợi tức và TB tiền tệ cho vay trong 1 thời gian nhất định.

• Ký hiệu: Z'

• Công thức: $Z' = Z / K_{cv} \times 100\%$

(Trong đó: z' là tỷ suất lợi tức; z là số lợi tức thu được trong 1 năm; K_{cv} là TB tiền tệ cho vay trong 1 năm)

• Giới hạn vận động: $0 < z' < \text{tỷ suất lợi nhuận bình quân}$.

• Các nhân tố ảnh hưởng đến tỷ suất lợi tức:

+ Tỷ suất lợi nhuận bình quân.

+ Tỷ lệ phân chia lợi nhuận bình quân thành lợi tức và lợi nhuận của nhà TB hoạt động.

+ Quan hệ cung cầu về TB cho vay.

Câu 17: Phân tích sự hình thành chủ nghĩa tư bản độc quyền?

Trả lời: Sự tích tụ và tập trung sản xuất cao dẫn đến hình thành các tổ chức độc quyền.

1. Nguyên nhân hình thành:

- Sự phát triển của lực lượng sản xuất dưới tác dụng của tiến bộ khoa học - kỹ thuật, làm xuất hiện những ngành sản xuất mới mà ngay từ đầu đã là những ngành có trình độ tích tụ cao. Đó là những xí nghiệp lớn, đòi hỏi những hình thức kinh tế tổ chức mới.

- Cạnh tranh tự do, *một mặt*, buộc các nhà tư bản phải cải tiến kỹ thuật, tăng quy mô tích lũy; *mặt khác*, dẫn đến nhiều doanh nghiệp nhỏ, trình độ kỹ thuật kém hoặc bị các đối thủ mạnh hơn thôn tính, hoặc phải liên kết với nhau để đứng vững trong cạnh tranh. Vì vậy, xuất hiện một số xí nghiệp tư bản lớn nắm địa vị thống trị một ngành hay trong một số ngành công nghiệp.

- Khủng hoảng kinh tế làm cho nhiều xí nghiệp nhỏ và vừa bị phá sản; một số sống sót phải đổi mới kỹ thuật để thoát khỏi khủng hoảng, do đó thúc đẩy quá trình tập trung sản xuất. Tín dụng tư bản chủ nghĩa mở rộng, trở thành đòn bẩy mạnh mẽ thúc đẩy tập trung sản xuất.

- Những xí nghiệp và công ty lớn có tiềm lực kinh tế mạnh tiếp tục cạnh tranh với nhau ngày càng khốc liệt, khó phân thắng bại, vì thế nảy sinh xu hướng thỏa hiệp, từ đó hình thành các tổ chức độc quyền.

2. Kết quả: Lúc đầu tư bản độc quyền chỉ có trong một số ngành, một số lĩnh vực của nền kinh tế. Hơn nữa, sức mạnh kinh tế của các tổ chức độc quyền cũng chưa thật lớn. Tuy nhiên, sau này, sức mạnh của các tổ chức độc quyền đã được nhân lên nhanh chóng và từng bước chiếm địa vị chi phối trong toàn nền kinh tế. Chủ nghĩa tư bản bước sang giai đoạn phát triển mới- chủ nghĩa tư bản độc quyền

Câu 18: Phân tích những đặc điểm chính trị-xã hội của giai cấp công nhân?

Trả lời:

Địa vị kinh tế- xã hội đã tạo cho giai cấp công nhân có những đặc điểm chính trị-xã hội mà những giai cấp khác không thể có được, đó là những đặc điểm cơ bản sau:

- Thứ nhất, giai cấp công nhân là giai cấp tiên phong cách mạng vì họ là đại biểu cho phương thức sản xuất tiên tiến, gắn liền với những thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại. Đó là giai cấp được trang bị bởi 1 lý luận khoa học, cách mạng và luôn đi đầu trong mọi phong trào cách mạng theo mục tiêu xóa bỏ xã hội cũ lạc hậu, xây dựng xã hội mới tiến bộ, nhờ đó có thể tập hợp được đông đảo các giai cấp tầng lớp khác vào phong trào cách mạng.

- Thứ hai, giai cấp công nhân là giai cấp có tinh thần cách mạng triệt để nhất thời đại ngày nay. Trong cuộc cách mạng tư bản, giai cấp tư sản chỉ có tinh thần cách mạng trong thời kỳ đấu tranh chống chế độ phong kiến, còn khi giai cấp này đã giành được chính quyền thì họ quay trở lại bóc lột giai cấp công nhân, những giai cấp đã từng kề vai sát cánh với giai cấp này trong cuộc cách mạng dân chủ tư sản. Khác với giai cấp tư sản, giai cấp công nhân bị giai cấp tư sản bóc lột, có lợi ích cơ bản đối lập trực tiếp vì lợi ích của giai cấp tư sản. Điều kiện sống, điều kiện lao động trong chế độ TBCN đã chỉ cho họ thấy: họ chỉ có thể được giải phóng bằng cách giải phóng toàn bộ xã hội khỏi chế độ TBCN. Các tầng lớp trung đẳng là những nhà tiểu công nghiệp, tiểu thương, thợ thủ công và nông dân, tất cả đều đấu tranh chống giai cấp tư sản để cứu lấy sự sống còn của họ với tinh thần những tầng lớp trung đẳng. Cho nên họ không cách mạng mà bảo thủ.

- Thứ ba, giai cấp công nhân là giai cấp có ý thức tổ chức kỷ luật cao. Giai cấp công nhân lao động trong nền sản xuất đại công nghiệp, với hệ thống sản xuất mang tính chất dây chuyền và nhịp độ làm việc khẩn trương buộc giai cấp này phải tuân theo. Tinh tổ chức và kỷ luật cao của giai cấp này được tăng cường khi nó phát triển thành 1 lực lượng chính trị lớn mạnh, có tổ chức, được giác ngộ bởi 1 lý luận khoa học, cách mạng và tổ chức ra được chính đảng của nó- Đảng cộng sản.

- Thứ tư, giai cấp công nhân là giai cấp có bản chất quốc tế. Chủ nghĩa Mác- Lenin cho rằng, giai cấp tư sản là 1 lực lượng quốc tế. Giai cấp tư sản không chỉ bóc lột giai cấp công nhân ở chính nước họ mà còn bóc lột giai cấp công nhân ở các nước thuộc địa. Ngày nay, với sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất, sản xuất mang tính toàn cầu hóa TB của nước này có thể đầu tư sang nước khác là 1 xu thế khách quan. Nhiều sản phẩm không phải do 1 nước sản xuất ra mà là kết quả lao động của nhiều quốc gia. Vì thế, phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân không chỉ diễn ra đơn lẻ ở từng doanh nghiệp, ở mooc quốc gia mà càng phải có sự gắn bó giữa phong trào công nhân các nước.

Câu 19: Phân tích những đặc trưng cơ bản của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa?

Trả lời: Những đặc trưng cơ bản của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa:

- Được sáng tạo bởi nhân dân lao động và dưới sự lãnh đạo của đảng cộng sản, dân chủ XHCN đảm bảo mọi quyền lực thuộc về nhân dân lao động. Vì vậy, dân chủ XHCN vừa mang bản chất giai cấp công nhân, vừa mang tính nhân dân rộng rãi và tính dân tộc sâu sắc.
- Nền dân chủ XHCN có cơ sở kinh tế là chế độ công hữu về những TLSX chủ yếu của toàn xã hội, phù hợp với sự phát triển ngày càng cao của lực lượng sản xuất với khoa học công nghệ hiện đại nhằm thỏa mãn ngày 1 tốt hơn, đầy đủ hơn những nhu cầu vật chất và tinh thần của nhân dân.
- Trên cơ sở của sự kết hợp hài hòa lợi ích tập thể và lợi ích toàn xã hội, nền dân chủ XHCN có sức động viên thu hút mọi tiềm năng sáng tạo, tích cực xã hội của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng xã hội mới.
- Dân chủ XHCN cần phải có những điều kiện tồn tại với tư cách là 1 nền dân chủ rộng rãi nhất trong lịch sử nhưng vẫn là nền dân chủ mang tính giai cấp. Trong nền dân chủ XHCN chuyên chính và dân chủ là 2 mặt, 2 yếu tố quy định lẫn nhau, bổ sung cho nhau đó là chuyên chính và dân chủ kiểu mới trong lịch sử.

Câu 20: Phân tích những nội dung cơ bản của quá trình xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa?

Trả lời: Nội dung cơ bản của quá trình xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa:

- Nâng cao trình độ dân trí, hình thành đội ngũ trí thức của xã hội mới.
- Trí tuệ khoa học và cách mạng là yếu tố quan trọng đối với công cuộc xây dựng CNXH. Do đó, nâng cao dân trí, đào tạo nguồn lao động có chất lượng và bồi dưỡng nhân tài, hình thành và phát triển đội ngũ XHCN vừa là nhu cầu lâu dài của sự nghiệp xây dựng CNXH và CNCS.
- Xây dựng con người mới phát triển toàn diện. Con người mới XHCN được xây dựng là con người phát triển toàn diện. Đó là con người có tinh thần yêu nước chân chính và tinh thần quốc tế trong sáng, là con người có lối sống tinh nghĩa, có tính cộng đồng cao.
- Xây dựng lối sống mới XHCN: Lối sống mới XHCN là 1 đặc trưng có tính nguyên tắc của xã hội XHCN và việc xây dựng lối sống mới tất yếu trở thành 1 nội dung của nền văn hóa XHCN. Lối sống mới XHCN được xây dựng, hình thành trên những điều kiện cơ bản của nó. Đó là chế độ công hữu về TLSX, trong đó sở hữu toàn dân giữ vai trò chủ đạo; nguyên tắc phân phối theo lao động, hệ tư tưởng khoa học và cách mạng giai cấp CN giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của xã hội.
- Xây dựng gia đình văn hóa XHCN: Gia đình là 1 giá trị văn hóa của Xã hội. Văn hóa gia đình luôn gắn bó, tương tác với văn hóa cộng đồng dân tộc, giai cấp và tầng lớp xã hội trong mỗi thời kỳ lịch sử nhất định của mỗi quốc gia dân tộc nhất định. Gia đình văn hóa mới XHCN là gia đình được xây dựng, tồn tại và phát triển trên cơ sở giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc, xóa bỏ những yếu tố lạc hậu, những tàn tích của chế độ hôn nhân và gia đình phong kiến, TBCN, đồng thời tiếp thu những giá trị tiến bộ của nhân loại về gia đình. Gia đình văn hóa mới XHCN là gia đình tiến bộ, đánh dấu bước phát triển của các hình thức gia đình trong lịch sử nhân loại. Việc xây dựng gia đình văn hóa XHCN trở thành 1 nội dung quan trọng, thể hiện tính ưu việt của nền văn hóa XHCN.

Câu 21: Phân tích tác dụng điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa của quy luật giá trị? Vận dụng vào tình hình thực tiễn ở Việt Nam?

Trả lời:

- Điều tiết sản xuất:

- Nếu mặt hàng nào đó có giá cả cao hơn giá trị, hàng hóa bán chạy, lãi cao thì những ng sản xuất hàng hóa đó sẽ mở rộng quy mô sản xuất, đầu tư thêm tư liệu sản xuất và sức lao động. Mặt khác, những ng sản xuất hàng hóa khác sẽ chuyển hướng sang sản xuất hàng hóa này để thu lãi cao. Do đó TLSX và sức lao động ở ngành này tăng lên, quy mô sản xuất càng được mở rộng.
- Ngược lại, nếu mặt hàng nào đó có giá cả thấp hơn giá trị, ng sản xuất sẽ bị lỗ vốn. Tình hình đó buộc ng ta phải thu hẹp quy mô sản xuất hoặc chuyển sang sản xuất mặt hàng khác có lãi hơn, làm cho tư liệu sản xuất và sức lao động ở ngành này giảm đi.
- Trong TH mặt hàng nào đó có giá cả bằng giá trị thì ng sản xuất có thể tiếp tục sản xuất mặt hàng này.

⇒ Như vậy, quy luật giá trị đã tự động điều tiết tỷ lệ phân chia tư liệu sản xuất và sức lao động vào các ngành sản xuất khác nhau, đáp ứng nhu cầu của xã hội.

- Điều tiết lưu thông hàng hóa: Thu hút hàng hóa từ nơi có giá cả thấp đến nơi có giá cả cao, nhờ đó, góp phần làm cho hàng hóa giữa các vùng có sự cân bằng nhất định.

- Vận dụng:

- Thị trường gạo VN những năm gần đây là minh chứng cho tác động điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa của quy luật giá trị. Nhìn lại quá trình tham gia thị trường gạo TG, có thể thấy đến năm 2007, kinh tế VN mới chính thức hội nhập vào kinh tế toàn cầu, nhưng người nông dân sản xuất gạo VN đã tham gia thị trường lúa gạo TG trước đó 2 thập kỉ. VN đã trở thành quốc gia cung cấp gạo quan trọng trên thị trường TG.
- Trong giai đoạn 1989-2008 VN đã xuất khẩu gạo sang 128 nước trên TG, trên 3 triệu tấn gạo. Trong năm 2009, xuất khẩu gạo đã tăng vọt lên hơn 6 triệu tấn. Đến năm 2010, xuất khẩu gạo tiếp tục đạt kỷ lục mới về cả số lượng và trị giá với 6,75 triệu tấn và thu được 3 tỷ USD.
- Nhìn vào những thành công trong xuất khẩu gạo của nước ta, có thể thấy rõ sự tác động của quy luật giá trị vào nền kinh tế. Xét riêng trong TH này là trong lưu thông hàng hóa. Do nguồn cung cấp gạo trên TG bị thiếu hụt, nhiều nước muốn nhập khẩu gạo, giá gạo được đẩy lên cao, những nhà đầu tư sẽ chung chuyển gạo từ nơi có giá thấp đến nơi giá cao, làm cho lưu thông hàng hóa thông suốt, góp phần làm thị trường gạo trên TG có sự cân bằng nhất định.

Câu 22: Phân tích tác dụng thúc đẩy LLSX của quy luật giá trị trong nền sản xuất hàng hóa? Vận dụng vào tình hình thực tiễn ở nước ta hiện nay?

Trả lời:

- Trong sản xuất hàng hóa, trao đổi hàng hóa theo giá trị xã hội vì thế ng nào sản xuất hàng hóa có giá trị cá biệt nhỏ hơn giá trị xã hội thì sẽ thu lãi, những ng sản xuất hàng hóa có giá trị cá biệt lớn hơn giá trị xã hội thì phải chịu lỗ. Do vậy, muốn tồn tại thì ng sản xuất hàng hóa phải không ngừng tìm mọi cách để cải tiến kỹ thuật, nâng cao trình độ chuyên môn, ứng dụng những thành tựu khoa học công nghệ mới vào sản xuất, cải tiến phương thức tổ chức và quản lý sản xuất,... nhằm hạ thấp giá trị cá biệt.

- Xu hướng này diễn ra liên tục vì do tất cả mọi người đều cố gắng hạ giá trị cá biệt xuống thì kéo theo giá trị xã hội cũng giảm theo và ng sản xuất lại phải hạ giá trị cá biệt xuống tiếp nữa, cứ như thế kỹ thuật được cải tiến không ngừng, năng suất lao động tăng lên, giá thành sản phẩm

hạ xuống... thông qua sự nỗ lực tối ưu hóa sản xuất như vậy mà LLSX xã hội không ngừng phát triển.

- Liên hệ: Ví dụ điển hình về việc cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động là việc trồng cà phê ở nước ta. Với chiến lược cải tiến kỹ thuật, áp dụng giống mới, hợp lý hóa sản xuất, tăng năng suất lao động của ngành cà phê, nước ta đã có những bước tiến mới, có chỗ đứng trên thị trường TG. Sự tiến bộ này đã tạo ra thế cạnh tranh giữa các nước đang sản xuất cà phê phải tuân theo quy luật giá trị. Rõ ràng, tác động của quy luật giá trị đã khiến cho việc sản xuất mang tính cạnh tranh cao và tăng cường khả năng phát triển cũng như sự thích ứng của các doanh nghiệp trong nền kinh tế chung. Áp dụng tốt quy luật giá trị, sáng tạo, đổi mới công nghệ sản xuất ngành cà phê không những tạo ra uy tín của mình trên thị trường mà còn thúc đẩy nền kinh tế nước nhà phát triển.

Câu 23: Phân tích thuộc tính giá trị của hàng hóa sức lao động? Liên hệ với thực tiễn Việt Nam?

Trả lời:

- Giá trị hàng hóa sức lao động do thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất và tái sản xuất sức lao động quy định. Nó được xác định bằng giá trị của những tư liệu sinh hoạt về vật chất và tinh thần cần thiết để duy trì đời sống bình thường của công nhân và gia đình họ cộng với những phí tổn đào tạo để người công nhân có một trình độ nhất định.

- Giá trị hàng hóa sức lao động còn phụ thuộc vào ngành nghề và lĩnh vực làm việc của công nhân trong nền kinh tế và phụ thuộc vào các yếu tố tinh thần, lịch sử, tức là ngoài yêu cầu về vật chất, người công nhân còn có những nhu cầu về văn hóa, tinh thần...những nhu cầu đó phụ thuộc vào hoàn cảnh lịch sử của mỗi nước ở từng thời kỳ, điều kiện địa lý, khí hậu ở nước đó và mức độ thỏa mãn những nhu cầu đó phần lớn phụ thuộc vào trình độ văn minh đã đạt được của mỗi nước.

- Giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động là thỏa mãn nhu cầu của người mua, tức là mua để tiêu dùng vào quá trình lao động. nhưng khác với hàng hóa thông thường, quá trình sử dụng hàng hóa sức lao động có thể tạo ra một lượng giá trị lớn hơn giá trị của bản thân nó. Đó chính là đặc điểm khác biệt của hàng hóa sức lao động, là chìa khóa để giải quyết mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản.

- Liên hệ: Năm 1861 để phát triển công nghiệp, nước Mỹ đã chủ trương xóa bỏ chế độ nô lệ, giải phóng sức lao động của con người bằng sự kiện cuộc nội chiến Nam-Bắc. Cuộc chiến kết thúc vào năm 1865, kể từ đó người lao động được bán sức lao động cho ai trả giá cao, lương cao. Hàng hóa sức lao động dc coi như 1 bước tiến của nền kinh tế VN, chỉ mới được công nhận từ năm 1986. Hàng hóa sức lao động là điều kiện tiên quyết để phát triển kinh tế công nghiệp, kinh tế thị trường. Về vật chất của người lao động tại doanh nghiệp, đang tồn tại vấn đề tiền lương và thu nhập. Những năm gần đây, giá cả nhiều mặt hàng thiết yếu tăng liên tục nhưng tiền lương thực tế lại giảm sút. Tiền lương danh nghĩa được điều chỉnh quá chậm. Như vậy giá trị hàng hóa sức lao động của công nhân ngày càng giảm sút, không có giá trị đáng kể.

Câu 24: Phân tích thực chất của tích lũy tư bản? Liên hệ với thực tiễn ở Việt Nam?

Trả lời: Thực chất của tích lũy tư bản:

- Tái sản xuất có 2 hình thức chủ yếu là tái sản xuất giản đơn và tái sản xuất mở rộng. Dưới CNTB, muốn tái sản xuất mở rộng, nhà TB phải sử dụng 1 phần giá trị thặng dư để tăng thêm TB ứng trước, quá trình đó gọi là tích lũy TB. Thực chất của tích lũy TB là sự chuyển hóa 1 phần giá trị thặng dư thành tư bản, hay là quá trình tư bản hóa giá trị thặng dư.
- Quá trình chuyển hóa 1 phần giá trị thặng dư thành TB phụ thêm gọi là tích lũy TB.
- Kết luận rút ra từ việc nghiên cứu tích lũy và tái sản xuất mở rộng:
 - Nguồn gốc duy nhất của tích lũy TB là giá trị thặng dư và nguồn tích lũy TB chiếm tỉ lệ ngày càng lớn trong toàn bộ TB. Lao động của công nhân trong quá khứ lại trở thành phương tiện để bóc lột chính người công nhân.
 - Quá trình tích lũy làm cho quyền sở hữu trong nền kinh tế hàng hóa biến thành quyền chiếm đoạt TBCN.
- Liên hệ: Thực trạng tích lũy vốn của nước ta chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển, quy mô vốn của các doanh nghiệp thấp. Vì vậy, các giải pháp huy động vốn hiệu quả đóng vai trò hết sức quan trọng như: giải quyết đúng đắn mối quan hệ tích lũy tiêu dùng, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn, tăng cường tích lũy vốn trong nước và tăng cường thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Sở dĩ, chúng ta thực hiện các giải pháp như trên bởi vì trong điều kiện của nước ta, từ sản xuất nhỏ đi lên CNXH, chúng ta không còn cách nào khác là 1 mặt phải huy động toàn bộ sức lực của mọi người, mọi ngành, mọi cấp để tăng gia sản xuất, thúc đẩy sản xuất phát triển, mặt khác phải triệt để tiết kiệm nhằm tích lũy vốn từ nội bộ nền kinh tế nước ta cho sự nghiệp xây dựng phát triển nền kinh tế sản xuất lớn XHCN.

Câu 25: Phân tích tư bản thương nghiệp? Liên hệ thực tiễn ở VN?

Trả lời:

1. Về mặt lịch sử, TB thương nghiệp có trước TB công nghiệp. Trong các hình thức kinh tế-xã hội trước CNTB, TB thương nghiệp tồn tại trên cơ sở lưu thông hàng hóa và lưu thông tiền tệ. Chức năng của nó là phục vụ việc trao đổi hàng hóa giữa sản xuất và tiêu dùng.
 - Trong CNTB, TB thương nghiệp là 1 bộ phận TB công nghiệp tách ra và phục vụ quá trình lưu thông hàng hóa của TB công nghiệp.
- SX \Leftrightarrow Thương nghiệp: lưu thông hàng hóa/lưu thông tiền tệ \Leftrightarrow tiêu dùng
 - TB thương nghiệp cũng vận động theo công thức T-H-T'.
 - TB thương nghiệp vừa phụ thuộc, vừa độc lập với TB công nghiệp.
 - Sự phụ thuộc: TB thương nghiệp là 1 bộ phận của TB công nghiệp tách ra.
 - Tính độc lập tương đối của TB thương nghiệp thể hiện: TB thương nghiệp thực hiện chức năng cuối cùng và chuyển hóa H'-T'. một chức năng biệt tách khỏi TB công nghiệp (chỉ hoạt động chức năng lưu thông)
 - Vai trò của TB thương nghiệp:
 - Làm giảm lượng TB ứng trước vào lưu thông, giảm chi phí lưu thông.
 - Các nhà TBSX tập trung vào sản xuất làm tăng hiệu quả của sản xuất.
 - Rút ngắn thời gian lưu thông, tăng tốc độ chu chuyển, từ đó làm tăng m' và M.
2. Liên hệ: Hội nhập kinh tế quốc tế là xu hướng khách quan và chi đạo củ thời đại chúng ta, đã, đang và sẽ tiếp tục định hướng, chi phối sự phát triển kinh tế của toàn TG, VN cũng đang

trên con đường hội nhập đó, điển hình là việc gia nhập WTO. Về mặt nhà nước, chúng ta đã ban hành nhiều nghị quyết cũng như luật khuyến khích sự phát triển các ngành kinh tế, đặc biệt là thương mại: Gia nhập WTO mang lại cho chúng ta nhiều cơ hội mới như thị trường được mở rộng, công nghệ hàng hóa,... Được đối xử công bằng trên thị trường quốc tế, cải thiện các điều kiện cho phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân.

Câu 26: Xuất khẩu TB là gì? Trình bày các hình thức xuất khẩu TB? Vận dụng vào thực tiễn VN?

Trả lời:

- Xuất khẩu TB là xuất khẩu giá trị ra nước ngoài (đầu tư TB ra nước ngoài) nhằm mục đích chiếm đoạt giá trị thặng dư ở các nước nhập khẩu TB.
- Đặc điểm:
 - CNTB tự do cạnh tranh xuất khẩu chủ yếu là xuất khẩu hàng hóa: mang hàng hóa ra nước ngoài nhằm thực hiện giá trị và giá trị thặng dư.
 - CNTB độc quyền xuất khẩu chủ yếu là xuất khẩu TB: đầu tư TB ra nước ngoài nhằm mục đích chiếm đoạt giá trị thặng dư ở các nước nhập khẩu TB đó.
- Cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20, xuất khẩu TB trở thành tất yếu kinh tế, vì các nước TB phát triển đã tích lũy được 1 khối lượng TB lớn và nảy sinh tình trạng “thừa TB”. Không phải thừa so với nhu cầu đầu tư mà thừa tương đối do ở trong nước thiếu đầu tư có P’ cao. Trong khi đó các nước kém phát triển lại dồi dào về nguyên liệu, lao động nhưng thiếu vốn đầu tư và kỹ thuật. Vì vậy, TB độc quyền thực hiện xuất khẩu TB.
- Các hình thức xuất khẩu TB:
 - Dựa vào hình thức đầu tư, có thể phân chia xuất khẩu TB:
 - Xuất khẩu TB trực tiếp: chủ TB trực tiếp kinh doanh nhằm thu lợi nhuận độc quyền cao.
 - Xuất khẩu TB gián tiếp: chủ TB mang 1 lượng TB ra nước ngoài cho vay để thu lợi tức.
 - Nếu xét theo chủ thể sở hữu:
 - Xuất khẩu TB nhà nước: Nhà nước TB đầu tư vào nước nhập khẩu TB hoặc viện trợ hoàn lại hay không hoàn toàn nhằm mục tiêu về kinh tế, chính trị, quân sự,...
 - Xuất khẩu TB tư nhân: là hình thức xuất khẩu TB cho tư nhân đảm nhận.
- Liên hệ: Đầu tư trực tiếp là hình thức xuất khẩu tư bản để xây dựng những xí nghiệp mới hoặc mua lại những xí nghiệp đang hoạt động ở nước nhận đầu tư, biến nó thành một chi nhánh của công ty mẹ ở chính quốc. Tính đến hết tháng 2/2011, Việt Nam đã có 575 dự án đầu tư vào 55 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới với tổng số vốn đăng ký đạt trên 23,7 tỷ USD. Trong đó phần vốn của các doanh nghiệp Việt Nam đã vượt 10 tỷ USD. Điều này khẳng định năng lực cạnh tranh và sự lớn mạnh của các doanh nghiệp Việt Nam, thể hiện bước chuyển mới về quy mô và phương thức sản xuất từ đơn giản và lạc hậu sang có tính chiến lược và hiện đại sau hơn 2 thập kỷ phát triển, góp phần đưa sản phẩm và thương hiệu Việt đến gần hơn với thị trường thế giới.

Câu 27: Phân tích vai trò của Đảng cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân? Liên hệ với vai trò của Đảng Cộng sản VN?

1. Tính tất yếu của sự hình thành, phát triển chính đảng của giai cấp công nhân:

- Trong thực tế lịch sử, phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân chống lại giai cấp tư sản đã nổ ra ngay từ khi chủ nghĩa tư bản hình thành và phát triển, theo quy luật có áp bức có đấu tranh.
- Chủ nghĩa Mác-Lenin ra đời đáp ứng được yêu cầu cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân, được giai cấp công nhân tiếp thu và nhanh chóng trở thành vũ khí lí luận của mình. Chủ nghĩa Mác-Lenin sau 1 thời gian xâm nhập vào phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân đã dẫn đến sự ra đời của ĐCS.

- Khi ĐCS ra đời, thông qua sự lãnh đạo của Đảng, giai cấp công nhân nhận thức được vai trò, vị trí của mình trong xã hội, hiểu được con đường, biện pháp đấu tranh cách mạng, từ đó tập trung đông đảo quần chúng nhân dân lao động, thực hiện việc lật đổ CNTB, giải phóng giai cấp mình, giải phóng toàn xã hội và tổ chức xã hội mới về mọi mặt.

2. Mọi quan hệ giữa ĐCS và giai cấp công nhân:

- ĐCS là tổ chức chính trị cao nhất của giai cấp công nhân, đại biểu cho lợi ích và trí tuệ của giai cấp công nhân và toàn thể nhân dân lao động.
- Giai cấp công nhân là cơ sở xã hội của ĐCS là nguồn bổ sung lực lượng phong phú cho ĐCS.

- Với 1 ĐCS chân chính thì sự lãnh đạo của Đảng cũng chính là sự lãnh đạo của giai cấp công nhân.

- Là đội ngũ tiên phong chiến đấu của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, ĐCS có sự tiên phong về lí luận và hành động.

- ĐCS là lãnh tụ chính trị của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

- ĐCS có những lợi ích cơ bản thống nhất với lợi ích của giai cấp công nhân và quần chúng nhân dân lao động.

- ĐCS là bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp công nhân và cả dân tộc.

3. Liên hệ: Điều 4 của Hiến pháp năm 2013: “Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng”.

a. Đảng Cộng sản Việt Nam tiên phong trong việc:

- Giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của mình, đào tạo, rèn luyện và bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho thế hệ sau.

- Phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại, nắm vững quy luật phát triển của xã hội, phân tích đúng đắn thực tiễn của đất nước đề ra Cương Lĩnh chính trị, đường lối cách mạng đúng đắn, phù hợp với quy luật, với thực tiễn và nguyện vọng của nhân dân Việt Nam.

- Xây dựng tổ chức chặt chẽ, thống nhất ý chí hành động; luôn xây dựng chính trị, tư tưởng, luôn chính đôn để ngang tầm với nhiệm vụ trong các giai đoạn cách mạng.

- Trong khó khăn, gian khổ, Đảng vẫn vững vàng, kiên định, không xa rời mục tiêu, lý tưởng, giữ vững bản chất cách mạng và khoa học, không run sợ trước kẻ thù, không nhụt chí trước khó khăn. Khi có sai lầm khuyết điểm Đảng nghiêm túc nhận rõ và quyết tâm sửa chữa.

- Xây dựng và bảo vệ đất nước, gương mẫu thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật.

b. Đảng Cộng sản Việt Nam là người đại diện trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt Nam.

- Trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên. Đảng ta chỉ rõ con đường và mục tiêu của cách mạng Việt Nam là hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến thẳng lên CNXH bỏ qua giai đoạn phát triển TBCN. Đó là con đường tất yếu của cách mạng Việt Nam.

- Đảng là người đại diện trung thành và đầy đủ nhất lợi ích sống còn và nguyện vọng chân chính của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt Nam.

- Đảng tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, dựa vào nhân dân để hoàn thành mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”. thực hiện thành công chủ nghĩa xã hội và cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản.

- Đảng lãnh đạo, xây dựng và phát huy vai trò của Nhà nước-để Nhà nước thực sự là công cụ chủ yếu thực hiện quyền làm chủ của nhân dân. Đảng cũng phát huy vai trò, trách nhiệm của Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia xây dựng, kiểm tra, giám sát hoạt động và bảo vệ Đảng và Nhà nước.

c. Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân ta đấu tranh giành những thắng lợi vĩ đại, tạo ra bước phát triển mới của lịch sử dân tộc. Kể từ ngày thành lập, Đảng Cộng sản Việt Nam đã phát huy cao độ truyền thống của dân tộc, lãnh đạo nhân dân ta vượt qua khó khăn, gian nan, thử thách, đưa cách mạng nước ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Câu 28: Phân tích tính tất yếu của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội? Liên hệ với việc quá độ lên CNXH ở VN?

Trả lời:

- Để chuyển từ xã hội TBCN lên XHCN- xã hội mà chủ nghĩa xã hội phát triển trên chính cơ sở vật chất- kỹ thuật của nó, cần phải trải qua 1 thời kỳ quá độ nhất định.

- Tính tất yếu của thời kỳ quá độ lên CNXH được lý giải từ các căn cứ sau:

• Một là: chủ nghĩa TB và chủ nghĩa xã hội khác nhau về bản chất. CNTB được xây dựng trên cơ sở chế độ tư hữu TBCN về TLSX, dựa trên chế độ công hữu về TLSX chủ yếu, tồn tại dưới 2 hình thức là nhà nước tập thể, không còn các giai cấp đối kháng, không còn tình trạng áp bức, bóc lột. Muốn có xã hội như vậy cần phải có 1 thời kỳ lịch sử nhất định.

• Hai là: CNXH được xây dựng trên nền sản xuất đại công nghiệp có trình độ cao. Quá trình phát triển CNTB đã tạo ra tiền đề vật chất- kỹ thuật nhất định cho CNXH, nhưng muốn cho tiền đề vật chất kỹ thuật đó phục vụ CNXH cần có thời gian tổ chức, sắp xếp lại.

• Ba là: các quan hệ XHCN không tự nảy sinh trong lòng CNTB, chúng là kết quả của quá trình xây dựng và cải tạo XHCN. Sự phát triển của CNTB dù đã ở trình độ cao cũng chỉ có thể tạo ra điều kiện, tiền đề cho sự hình thành các quan hệ Xã hội mới XHCN, do vậy cần phải có thời gian nhất định để xây dựng và phát triển những quan hệ đó.

• Bốn là: xây dựng CNXH là 1 công cuộc mới mẻ, khó khăn và phức tạp, phải cần có thời gian để giai cấp công nhân từng bước làm quen với những công việc đó.

- Liên hệ:

• Vận dụng những quan điểm cơ bản mà V.I. Lênin đã nêu ra về đặc điểm thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở "những nước tiểu nông", Đảng ta và nhân dân ta đã có những thành quả bước đầu trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ độc lập tự do của Tổ quốc. Nhưng khoảng thời gian 1975-1985, chúng ta đã phạm một số sai lầm, trong đó có biểu hiện chủ quan, nóng vội, giản đơn, nhất là về quản lý kinh tế do đó đã biến chế độ sở hữu toàn dân và tập thể trở nên trừu tượng, hình thức bề ngoài - nhiều tư liệu sản xuất chung của xã hội, nhất là đất đai, trở

nên không có chủ cụ thể... Đó là một trong những nguyên nhân làm triệt tiêu các động lực, các tiềm năng của toàn dân ta, của đất nước ta và không phát huy hết nội lực, không tranh thủ được sự hợp tác quốc tế. Vì vậy, kinh tế, xã hội đã lâm vào trì trệ, khủng hoảng...

- Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI đánh dấu sự mở đầu chính thức công cuộc đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đảng ta xác định đúng đắn, bắt đầu từ đổi mới tư duy lý luận, nhất là tư duy kinh tế. Đổi mới toàn diện, nhưng có trọng điểm đúng: trên cơ sở ổn định, phát triển kinh tế, cải thiện từng bước đời sống nhân dân, đồng thời và từng bước đổi mới hệ thống chính trị... để phát triển đất nước đúng định hướng xã hội chủ nghĩa.
- Chúng ta đã có nhận thức ngày càng rõ hơn về "thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội", có thể thấy rõ những bước cụ thể hoá về phát triển "bỏ qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa". Đường lối đổi mới của Đảng ta đã khẳng định đó là "bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa". Đến Đại hội IX Đảng ta có nhận thức càng rõ hơn nữa: "bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại"

Câu 29: Phân tích những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc? Liên hệ với việc giải quyết vấn đề dân tộc của Đảng và Nhà nước ta hiện nay?

Trả lời:

1. Những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc:
 - Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng:
 - Quyền bình đẳng dân tộc là quyền thiêng liêng của mỗi dân tộc trong mối quan hệ với các dân tộc khác.
 - Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng nghĩa là: các dân tộc lớn hay nhỏ, có trình độ phát triển cao hay thấp đều có nghĩa vụ và quyền lợi ngang nhau trước pháp luật mỗi nước và luật pháp quốc tế, không 1 dân tộc nào được giữ đặc quyền, đặc lợi và đi áp bức bóc lột dân tộc khác.
 - Đấu tranh cho quyền bình đẳng xét ở 1 phạm vi quốc gia đa dân tộc cần thể hiện ở việc thể chế hóa bằng luật pháp, khắc phục sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế, giáo dục,... do lịch sử để lại.
 - Đấu tranh cho quyền bình đẳng dân tộc xét trên phạm vi thế giới thể hiện thông qua cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa dân tộc thượng đẳng, chủ nghĩa bá quyền nước lớn, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc,... chống sự áp bức, bóc lột của các nước phát triển với các nước lạc hậu, chậm phát triển.
 - Các dân tộc được quyền tự quyết:
 - Quyền dân tộc tự quyết là quyền làm chủ của mỗi dân tộc đối với vận mệnh dân tộc mình, quyền tự quyết chế độ chính trị- xã hội và con đường phát triển của dân tộc mình.
 - Quyền dân tộc tự quyết bao gồm quyền tự do độc lập về chính trị-tách ra thành lập 1 quốc gia dân tộc vì lợi ích của các dân tộc, đồng thời bao gồm quyền tự nguyện liên hợp với các dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi để phát triển quốc gia-dân tộc.
 - Quyền tự quyết dân tộc cần được thực hiện trên lập trường của giai cấp công nhân, kiên quyết đấu tranh chống lại những âm mưu lợi dụng quyền dân tộc tự quyết làm chiêu bài để can thiệp vào công việc nội bộ các nước, đòi ly khai, chia rẽ dân tộc.
 - Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc:

- Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc tạo nên sức mạnh để giai cấp công nhân và phong trào dân tộc có thể giành thắng lợi.
 - Liên hiệp công nhân các dân tộc là cơ sở vững chắc để đoàn kết các tầng lớp nhân dân thuộc các dân tộc khác nhau trong cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc và tiến bộ Xã hội.
2. Liên hệ: Vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, đồng thời cũng là vấn đề cấp bách hiện nay của cách mạng Việt Nam. Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển, cùng nhau phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Kiên quyết đấu tranh với mọi âm mưu chia rẽ dân tộc. Vậy nên Đảng và Nhà nước đã có một số giải pháp chủ yếu thực hiện chính sách dân tộc trong giai đoạn hiện nay:
- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của hệ thống chính trị, các cấp, các ngành và toàn thể xã hội về vị trí, nhiệm vụ của công tác dân tộc trong tình hình mới.
 - Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc và miền núi; rà soát, điều chỉnh, bổ sung để hoàn chỉnh những chính sách đã có và nghiên cứu ban hành những chính sách mới, để đáp ứng yêu cầu phát triển các vùng dân tộc và nhiệm vụ công tác dân tộc trong giai đoạn mới.
 - Huy động nhiều nguồn lực cho đầu tư, phát triển, giúp đỡ vùng dân tộc và miền núi. Ưu tiên đầu tư cho xóa đói, giảm nghèo, phát triển nhanh kinh tế - xã hội, giải quyết những khó khăn bức xúc của đồng bào vùng dân tộc và miền núi; trước hết tập trung cho các vùng đặc biệt khó khăn.
 - Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ ở vùng dân tộc và miền núi.
 - Thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ là người dân tộc thiểu số cho từng vùng, từng dân tộc.
 - Kiện toàn và chăm lo xây dựng hệ thống tổ chức cơ quan làm công tác dân tộc từ Trung ương đến địa phương.
 - Tăng cường công tác vận động quần chúng trong việc bảo đảm thực hiện tốt chính sách dân tộc trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

Câu 30: Phân tích những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lenin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo? Liên hệ với việc giải quyết vấn đề tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay?

Trả lời:

1. Những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lenin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo:
 - Khắc phục dần những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo trong đời sống xã hội phải gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới là yêu cầu khách quan của sự nghiệp xây dựng CNXH.
 - Khi tín ngưỡng, tôn giáo còn là nhu cầu tinh thần của 1 bộ phận quần chúng nhân dân thì chính sách nhất quán của nhà nước XHCN là tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và quyền tự do không tín ngưỡng của công dân.
 - Thực hiện đoàn kết giữa những người theo tôn giáo với những người không theo tôn giáo nào, giữa những người theo tôn giáo khác nhau để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nghiêm cấm mọi hành vi chia rẽ vì lý do tín ngưỡng tôn giáo.

- Phân biệt rõ 2 mặt chính trị và tư tưởng trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo. Mặt tư tưởng thể hiện ở sự tín ngưỡng trong tôn giáo. Trong quá trình xây dựng CNXH khắc phục mặt này là việc làm thường xuyên lâu dài. Mặt chính trị là sự lợi dụng tôn giáo của những phần tử phản động nhằm chống lại sự nghiệp cách mạng, sự nghiệp CNXH.

- Phải có quan điểm lịch sử- cụ thể khi giải quyết vấn đề tôn giáo. Trong mỗi thời kỳ lịch sử khác nhau vai trò và sự tác động của từng tôn giáo với đời sống Xã hội cũng khác nhau. Quan điểm, thái độ của các giáo hội, giáo sĩ, giáo dân về các lĩnh vực, các vấn đề của xã hội có sự khác biệt. Do đó, cần phải có quan điểm lịch sử-cụ thể khi xem xét, đánh giá và giải quyết những vấn đề liên quan đến tôn giáo.

2. Liên hệ:

a. Khái quát tình hình tôn giáo ở nước ta:

- Nước ta có nhiều tôn giáo khác nhau. Trong đó có 6 tôn giáo (Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, Hồi Giáo, Cao Đài, Hòa Hảo) với khoảng 20 triệu tín đồ.

- Đồng bào các tôn giáo trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ đã góp phần xứng đáng vào sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc, xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

- Trong sự nghiệp xây dựng CNXH, nhiều tín đồ và các giáo sĩ đã nhận thức đúng chính sách, pháp luật của Nhà nước, làm tốt cả “việc đạo” và “việc đời”.

- Trong những năm gần đây, sinh hoạt tôn giáo có phát triển nhiều hơn trước, số người tham gia các hoạt động tôn giáo tăng lên, các chùa đình, miếu mạo, nhà thờ ... xây cất, tu sửa lại. Các hoạt động lễ hội mang màu sắc tôn giáo nhiều lên, mang nhiều màu sắc khác nhau, tất nhiên cũng xuất hiện nhiều hiện tượng mê tín dị đoan. Thực trạng trên, một mặt phản ánh nhu cầu tinh thần của quần chúng, mặt khác cũng nói lên điều không bình thường vì đó không chỉ có sự ỉnh hoạt tôn giáo thuần túy, mà còn biểu hiện lợi dụng tôn giáo để phục vụ cho mưu đồ chính trị và hoạt động mê tín dị đoan.

b. Chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay: Trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Đảng ta khẳng định: “Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật ... chống mọi hành động vi phạm tự do tín ngưỡng đồng thời chống việc lợi dụng tín ngưỡng để làm tổn hại đến lợi ích của Tổ quốc và nhân dân”. Trên quan điểm đó, Đảng ta đã nêu ra chính sách tôn giáo cụ thể sau:

- Thực hiện quyền tự do tín ngưỡng không tín ngưỡng của công dân trên cơ sở pháp luật.

- Tích cực vận động đồng bào tôn giáo tăng cường đoàn kết toàn dân nhằm xây dựng một cuộc sống “tốt đời, đẹp đạo” góp phần vào công cuộc đổi mới kinh tế – xã hội.

- Hướng các chức sắc giáo hội hoạt động tôn giáo theo đúng pháp luật, làm cho các giáo hội ngày càng gắn bó với dân tộc và sự nghiệp cách mạng toàn dân.

- Luôn luôn cảnh giác, kịp thời chống lại những âm mưu và thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng tôn giáo chống lại sự nghiệp cm của nhân dân.

- Những quan hệ quốc tế và đối ngoại về tôn giáo hoặc có liên quan đến tôn giáo phải theo chế độ, chính sách chung về quan hệ quốc tế và đối ngoại của Nhà nước ta.

ABOUT

Hỗ trợ ôn tập là một dự án phi lợi nhuận hướng tới cộng đồng.

Với mục đích đem đến kiến thức miễn phí cho tất cả mọi người, chúng tôi sẽ hỗ trợ các bạn tốt nhất trong lĩnh vực giáo dục bằng cách cung cấp cho các bạn tài liệu ôn tập miễn phí, đề cương ôn tập miễn phí.

Các bạn sẽ không cần phải lo về đề cương, về tài liệu, về sách,... Các bạn chỉ việc theo dõi và để lại yêu cầu cho đội nhóm chúng tôi, còn việc tìm kiếm và biên soạn tài liệu đã có chúng tôi lo!!!!

Hiện giờ, chúng tôi đang hỗ trợ về

1. Tài liệu ôn tập tiếng anh FREE.
2. Tài liệu ôn thi đại học FREE
3. Tài liệu ôn thi cấp 3 FREE
4. Đề cương ôn thi chương trình Đại học FREE.

Liên hệ và kết nối với chúng tôi:

- ✓ Facebook: facebook.com/HoTroOnTap
- ✓ Fanpage: facebook.com/HoTroOnTapPage
- ✓ Group: facebook.com/groups/HoTroOnTapGroup
- ✓ Website: hotroontap.com